

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2019/HS-ST**

Ngày: 25-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ;

2. Ông Nguyễn Ước.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến—Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 188/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H**; sinh ngày 07 tháng 5 năm 2000; nơi sinh: Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1973 và bà Sử Thị V, sinh năm 1972; gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất là bị cáo; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày từ ngày 10/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

-Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Xóm C, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. *(vắng mặt)*

2. Chị Đào Thị H1, sinh năm 1983; nơi cư trú: đường A, phường P, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Sử Thị V, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

2. Anh Võ Nhật L, sinh năm 2000; nơi cư trú: hẻm N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài và trả nợ, Trần Văn H đã nảy sinh ý định và điều khiển xe mô tô trên các con đường vắng vẻ ở địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để tìm sơ hở của người đi đường nhằm cướp giật tài sản, cụ thể H đã thực hiện 02 lần như sau:

Lần 1: Khoảng 09 giờ 00 ngày 17/5/2019, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 38K1-457.95 đi trên đường T đến khu vực H để tìm sơ hở của người đi đường nhằm cướp giật tài sản. Khi H đi đến đường T, phường C, thành phố Đ (gần ngã ba vào đường Đ-T), H phát hiện có 02 người phụ nữ đang đi xe mô tô ngược chiều có để 01 chiếc giỏ xách màu đen ở giữa, H liền điều khiển xe quay lại đuổi theo vượt lên phía bên trái của 02 người phụ nữ và dùng tay phải giật chiếc giỏ xách rồi tăng ga tẩu thoát theo đường A về phòng trọ của bạn gái H là chị Đường Thúy V ở địa chỉ đường V, phường A, thành phố Đ. H kiểm tra bên trong giỏ xách có số tiền mặt là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 màu vàng và các giấy tờ cá nhân. H giữ lại số tiền là 6.500.000 đồng, còn chiếc điện thoại và giấy tờ cá nhân H vứt vào thùng rác tại đường L, phường A, thành phố Đ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 38K1-457.95 và 01 giấy đăng ký xe biển số 38K1-457.95 mang tên Sử Thị V.

Bị hại là: chị Nguyễn Thị T, bị chiếm đoạt 01 giỏ xách hiệu Sohee bằng da màu đen, kích thước 25x35cm bên trong có 01 ví da màu đỏ, kích thước 10 x 20 cm; số tiền 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 màu vàng; 01 Giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị T. Tại Kết luận định giá tài sản số 594/KL-ĐG ngày 07/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc điện thoại IPHONE 6, màu vàng nói trên trị giá 2.900.000 đồng, các tài sản còn lại không có giá trị. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt của chị T là 9.400.000 (chín triệu bốn trăm nghìn) đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị T số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng, chị T không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lần 2: Khoảng 11 giờ 00 ngày 08/6/2019, cũng bằng thủ đoạn trên, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 92M1-378.71 đến đường H, phường C, thành phố Đ, H phát hiện có 02 người phụ nữ đi chung một xe mô tô theo hướng ngược lại, ở giữa có để 01 giỏ xách màu trắng. H liền điều khiển xe quay lại vượt lên phía bên trái rồi áp sát, dùng tay phải giật chiếc giỏ xách sau đó tăng ga tẩu thoát theo đường A về phòng trọ của bạn gái là Đường Thúy V, H kiểm tra bên trong giỏ xách có số tiền mặt là 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng, 03 thẻ ngân hàng, 01 giấy phép lái xe, 05 cây son môi, 01 hũ sáp dưỡng ẩm. H lấy số tiền 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng để tiêu xài và cất các tài sản vừa chiếm đoạt còn lại vào chiếc ba lô của mình để trong phòng của V. Sáng ngày 09/6/2019, khi H chở V đi làm thì bị cơ quan Công an thành phố Đà Lạt mời về trụ sở làm việc. Tại cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 03 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên DAO THI H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Thị H; 05 cây son môi; 01 hũ sáp dưỡng

ăm hiệu Vaseline; 01 túi xách bằng vải màu trắng, hiệu KING CORNER; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn H; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 92M1-378.71; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ sinh viên trường Cao đẳng nghề Đ đều mang tên Trần Văn H; 01 Giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ N; 01 biên nhận cầm đồ xe máy của cửa hàng cầm đồ D.

Bị hại là: chị Đào Thị H1, bị chiếm đoạt 01 túi xách bằng vải bên trong có số tiền 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng, 05 cây son môi, 01 hũ sáp dưỡng ẩm, 03 thẻ ngân hàng và 01 Giấy phép lái xe. Tại kết luận định giá tài sản số 235/KL-ĐG ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định túi xách màu trắng bằng vải trị giá 100.000 đồng, 05 cây son môi và hũ sáp dưỡng ẩm không có cơ sở định giá. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt của chị H1 là 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị H1. Bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho chị H1 số tiền là số tiền 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng, chị H1 không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trần Văn H khai sau khi thực hiện hành vi phạm tội, H mang các tài sản chiếm đoạt được nói trên về phòng trọ của Đường Thúy V, là bạn gái của H cất giấu. Quá trình điều tra xác định chị V không biết việc H cướp giật tài sản của người khác và mang tài sản về phòng trọ của mình nên không có cơ sở để xử lý đối với V.

Trong vụ án này, có bà Sử Thị V và anh Võ Nhật L là những người đã cho bị cáo mượn xe máy mà bị cáo đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, khi cho mượn xe, bà V và anh L đều không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với bà V và anh L. Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 92M1-378.71 cho anh L, trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 38K1- 457.95 và 01 giấy đăng ký xe cho bà V. Anh L và bà V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 178/CT-VKS ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện cụ thể như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 - 42 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải, cam đoan không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T và người liên quan anh L vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Đề có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo Trần Văn H đã sử dụng xe mô tô là thủ đoạn nguy hiểm chạy trên các con đường ở địa bàn thành phố Đ để tìm sơ hở của bị hại khi đang đi xe máy trên đường nhằm giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bằng thủ đoạn trên ngày 17/5/2019, tại đường T, phường C, thành phố Đ, bị cáo H đã giật của chị Nguyễn Thị T 01 giỏ xách hiệu Sohee bên trong có 01 ví da màu đỏ, số tiền 6.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 màu vàng trị giá 2.900.000 đồng và các giấy tờ cá nhân. Tiếp đến, ngày 08/6/2019, tại đường H, phường C, thành phố Đ, bị cáo H đã thực hiện hành vi giật của chị Đào Thị H1 01 túi xách bằng vải trị giá 100.000 đồng, bên trong có số tiền 1.700.000 đồng, 05 cây son môi, 01 hũ sáp dưỡng ẩm, 03 thẻ ngân hàng và 01 Giấy phép lái xe. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của 02 bị hại là 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ học vấn cao, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện nhiều lần là thể hiện thái độ xem thường pháp luật, việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo phạm tội hai lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại, bị hại chị T và chị H1 đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội là ông Trần Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T và chị H1 đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường của gia đình bị cáo, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ sinh viên trường Cao đẳng nghề Đ đều mang tên bị cáo Trần Văn H; 01 Giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ N; 01 biên nhận cầm đồ xe máy của cửa hàng cầm đồ D là giấy tờ cá nhân của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt xác định chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 38K1- 457.95 và 01 giấy đăng ký xe là tài sản của bà Sử Thị V và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 92M1-378.71 là tài sản của anh Võ Nhật L cho bị cáo mượn. Bà V và anh L đều không biết việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc xe trên và giấy đăng ký xe cho bà V và anh L. Anh L và bà V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn H 01 chứng minh nhân dân số 184400...; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ sinh viên trường Cao đẳng nghề Đ đều mang tên Trần Văn H; 01 Giấy cầm đồ củahiệu cầm đồ N; 01 biên nhận cầm đồ xe máy. (Có

đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP Đà Lạt;
- Công an TP Đà Lạt;
- THADS TP Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Lệ Quyên